

## BIẾN VĂN THỜI ĐƯỜNG TRONG VĂN HỌC VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Nguyễn Thành Danh<sup>(\*)</sup>

Trong nền văn học và văn hóa Trung Quốc, Biến văn thời Đường chiếm giữ một vị trí và vai trò hết sức quan trọng. Việc phát hiện ra Biến văn (do Sử Đan Nhân – nhà địa lý học người Hung-ga-ri phát hiện ở Đôn Hoang vào năm 1907) không chỉ có ý nghĩa trong việc làm giàu thêm cho kho tàng văn học, văn hóa Trung Quốc và nhân loại bằng sự góp mặt của Biến văn – một loại hình văn học nghệ thuật độc đáo và có tính tư tưởng nghệ thuật cao mà với Biến văn, qua Biến văn còn cung cấp các dữ kiện cơ sở khoa học, giúp chúng ta hiểu lai lịch, nguồn cội của văn học bạch thoại (các thể loại như báo quyển, đàn từ, chư cung điệu, hí văn, bình thoại, thoại bản, tiểu thuyết thông tục v.v...). Việc phát hiện ra Biến văn giúp chúng ta có một cái nhìn đầy đủ, hệ thống về lịch sử văn học Trung Quốc bởi đúng như M.Bakhtin từng cho rằng lịch sử văn học thực chất là lịch sử phát triển thể loại. Biến văn không chỉ là mắt xích hết sức quan trọng “liên kết văn học cổ đại và cận đại” như Trịnh Chấn Đạc khẳng định trong “Trung Quốc tục văn học sử” mà còn bằng cách này hay cách khác, ảnh hưởng to lớn đến văn học và văn hóa Trung Quốc.

### 1. Ảnh hưởng của Biến văn thời Đường trong văn học Trung Quốc

Những hình thức văn học hiện còn tồn tại trong thuyết xướng như “báo quyển”, “chư cung điệu”, “cổ từ” v.v... đều cùng một hệ thống văn thể với Biến văn và chịu sự ảnh hưởng to lớn của Biến văn trong quá trình hình thành và phát triển.

“Bảo quyển” (gọi tắt là “quyển”, “khoa nghi”, “kinh” hoặc “tuyên truyền”) nguyên là lễ sám khoa nghi thư trong chùa Phật, được sáng tác vì mục đích phụng Phật nghi thức. Thường khi bắt đầu thì phụng thỉnh thập phương Phật trước, niệm Phật xướng hòa, sám chủ tự biểu và xướng

<sup>(\*)</sup> Thạc sĩ Ngữ văn, Trường ĐHSB Tp.HCM.

kệ, sau đó mới tiến hành tuyên giảng tự thuật. Do đó, bảo quyển có hình thức giống hình thức Biến văn: thuyết xướng nghệ thuật vận tán kết hợp và cũng nhằm mục đích như Biến văn là tuyên truyền giáo nghĩa Phật giáo, nhân quả báo ứng và khuyến thiện huấn dụ. Bảo quyển hình thành vào thời Tống và thịnh hành nhất vào thời Minh Thanh. Tư tưởng nghệ thuật của bảo quyển cũng có quá trình biến chuyển và phát triển như Biến văn: ban đầu mang nặng tính chất nghi thức tôn giáo (Phật giáo) trong giai đoạn “cổ bảo quyển” (từ năm Đạo gia nhà Thanh trở về thời Tống) chuyển dần thành nghệ thuật diễn xướng dân gian có nội dung thể tục là chính. Những tác phẩm bảo quyển tiêu biểu như “Thái tử bảo quyển” (giảng về Thích Ca Thái tử tu đạo), “Mục Liên bảo quyển” (giảng về tích Mục Liên cứu mẹ) v.v... đều dựa trên đề tài và nội dung của các Biến văn tương ứng. Vào thời Minh Thanh, cùng với sự thịnh hành của Bạch Liên giáo là sự phát triển của bảo quyển. Khoảng bảy mươi bảo quyển thời kỳ này đều có liên quan tới loại biến văn giảng thuật Phật sự như Phật tích Di Lạc, Phật Đà tịnh độ v.v... Trong thời kỳ “bảo quyển mới”, các tác phẩm bảo quyển bên cạnh nội dung tôn giáo còn có nội dung thể tục phi tôn giáo. Thế nhưng, nhìn chung bảo quyển vẫn gắn với Biến văn Đôn Hoàng như là cội nguồn phát triển của nó. Chẳng hạn như “Đồng Vĩnh mai thân” bảo quyển có nguồn gốc câu chuyện từ Biến văn “Sưu thân kí”, “Đồng Vĩnh ngộ tiên truyện” thoại bản có nguồn gốc từ Biến văn “Hiếu tử Đồng Vĩnh truyện”, trước “Anh Đài” bảo quyển đã có “Lương Chúc” Biến văn hay “Lí tam nương” bảo quyển lấy nội dung từ Biến văn “Lưu Trí Viễn chư cung điệu” v.v... Đến đây có thể khẳng định chắc chắn rằng chính Biến văn là điều kiện tiên quyết, là nguồn cội của bảo quyển trong sự hình thành và phát triển của nó, cả về nội dung tư tưởng cũng như hình thức nghệ thuật.

Ngoài “bảo quyển”, một số hình thức khác của nghệ thuật dân gian như “đàn từ”, “cổ từ”, “chư cung điệu” v.v... cũng chịu ảnh hưởng to lớn của Biến văn. Đàn từ là một loại hình nghệ thuật khúc lưu hành ở phương Nam Trung Quốc nên còn có tên là Nam Từ. Vai biểu diễn đàn từ có từ một đến ba người, khi biểu diễn cũng có thuyết xướng, vận tán như Biến văn. Nhạc cụ thì lấy tam huyền, tì bà hoặc nguyệt cầm làm chính, người thuyết xướng tự đàn tự hát. Các tác phẩm tiêu biểu của đàn từ là “Trần Châu tháp”, “Nghĩa yêu truyện”... Lời thuyết xướng kết hợp giữa văn vần và lời nói này là chịu ảnh hưởng từ Biến văn. Nếu đàn từ được lưu hành ở Nam Trung Quốc thì cổ từ (nếu gọi đầy đủ là “Cổ từ từ”) lại được lưu hành

ở Bắc Trung Quốc. Cổ từ được biểu diễn bằng một người tự mình gõ trống hoặc gõ nhịp diễn hát. Tác phẩm nổi tiếng và phổ biến có “Mục Bi tán nhân cổ từ” của Giả Đảo. Chư cung điệu cũng chính là một “hậu duệ” của Biến văn. Chư cung điệu cũng là loại lấy xướng làm chính, giảng làm phụ như đàn từ và cổ từ vốn có người cội từ Biến văn. Chỉ có điều bộ phận xướng âm điệu khá phức tạp: không dùng phạm âm truyền thống mà dùng các khúc điệu đương thời. Trong thời thịnh phát của những thể loại như đàn từ, cổ từ, chư cung điệu..., Biến văn đã ngừng được giảng xướng nhưng có thể nói chính Biến văn đã hóa thân thành những thể loại văn học bạch thoại trên những điều kiện hiện thực cũng như nhu cầu thẩm mỹ mới của người thưởng thức.

Ngoài việc trực tiếp hóa thân thành một số thể loại mới, Biến văn còn gián tiếp sản sinh ra một số thể loại khác. Chẳng hạn những thể loại lấy giảng làm chính ở thời Tống như giảng sử, tiểu thuyết ... đều chịu ảnh hưởng của Biến văn. Giảng sử là loại văn thể chuyên giảng sự tích các đời, tiểu thuyết là loại văn thể chuyên giảng sự tích nhân gian mới mẻ. Bản nền để giảng thoại của hai loại “thuyết thoại” này được lưu truyền chính là thoại bản mà chính thoại bản lại là thể thức có cội nguồn từ Biến văn (trong các Biến văn như “Hàng ma biến văn”, “Bát tướng thành đạo biến văn”, “Duy Ma Cật kinh biến văn”, “Đại Mục Kiên Liên biến văn...”), từ cách thức kể chuyện cho đến những từ ngữ, quán ngữ thông dụng mang tính chất dẫn đoạn, chuyển đoạn như “nếu là”, “vân vân”, “tho rằng”, “ở lúc bấy giờ, có lời chi đây”, “chỉ thấy”, “chính là”...

Đến đây, chúng tôi có thể rút ra nhận xét về sự ảnh hưởng của Biến văn đối với một số thể loại văn học thể hiện trong một số đặc điểm cơ bản sau:

*- Văn xuôi và văn vần đan xen vào nhau*

Thuyết thoại trong quá trình kể lể sự tích vốn sử dụng văn xuôi là chính nhưng thường chêm xen văn vần vào trong những lúc cần thiết. Đây chính là sự bảo lưu đặc điểm của Biến văn. Xin dẫn một thí dụ. Trong thuyết thoại “Dương Ôn chặn hổ giữa đường”, có đoạn: “Dương Ôn theo hấn đi được chừng hai dặm đường thì thấy một trang trại, khí lạnh ớn người, gió rét quất mặt. Tựa như chiếu, trước cửa nhà, bếp lò làm bánh nhiều vô hạn. Nhà sau luôn sẵn dao cùng búa, sáng sớm mặt trời mọc, vạt vờ lửa chết ma trời.

Vấn chưa lối hoàng hôn, khe xưa gió buồn rười rượi, đường vắng có bao giờ khách tới, núi sâu thường nghe tiếng giết người”.

- *Chêm biên văn vào để tả người tả vật*

Trong giảng thuật Biên văn, văn biên thể thường được chêm xen vào trong văn xuôi để làm đẹp hình thức và nhấn mạnh nội dung khi miêu tả nhân vật hoặc bộc lộ cảm xúc (như trong “Duy Ma Cật kinh biến văn”, “Hàng ma biến văn”...). Cách thức này ta thấy được áp dụng và thể hiện trong tiểu thuyết (thuyết thoại) Minh Thanh khá phổ biến (như trong “Thủy hử”, “Kim Bình Mai”, “Tây du kí”...). Xin dẫn một ví dụ: Trong “Tây du kí” (hồi thứ 50), khi thấy trò Đường Tăng đến núi Kim Đâu, tác giả đang kể bằng văn xuôi thì chêm biên văn vào:

*Chênh vênh sừng sững, chót vót chon von  
Chênh vênh sừng sững chen mây thắm  
Chót vót chon von chắn trời xanh  
Đá lạ xếp xô như hổ tọa  
Tùng xanh treo chéch tựa rồng bay...*

- *Cách mở đầu của văn xuôi*

Biên văn dùng «bạch» và «bạch thoại» để mở đầu văn xuôi giảng thuật. Tiểu thuyết thay bằng «lại nói» (khước thoại), «truyện rằng» (thoại thuyết). Chẳng hạn như trong hồi thứ nhất của «Tam quốc diễn nghĩa»: «Chuyện rằng thế lớn thiên hạ hợp lâu ắt chia, chia lâu ắt hợp...», hay như trong «Tây du kí» (hồi thứ 24): «Lại nói ba người đó lượn rừng đi sâu vào trong, chỉ thấy gã ngốc đó bị trói trên cây, kêu gào ầm ĩ...».

Ngoài một số điểm nói trên, Biên văn còn ảnh hưởng tới tiểu thuyết ở lời văn dùng để phân chương, tách hồi. Trong tiểu thuyết chương hồi, mỗi khi kết chương hồi, tác giả thường dùng khẩu khí của người thuyết thư như: «Muốn biết chuyện sau ra sao, hãy nghe hồi sau phân giải». Hình thức này ảnh hưởng từ những cách nói trong Biên văn như «Hôm nay, vì Ngài kể chuyện này, sáng mai sớm đến nghe chân kinh»...

## **2. Một số giá trị của Biên văn thời Đường trong nền văn hóa Trung Quốc**

### *2.1. Giá trị về lịch sử giao lưu văn hóa*

Giao lưu văn hóa giữa các quốc gia vốn là một quy luật lịch sử về sự phát triển của các nền văn hóa. Giáo lý Phật giáo của Ấn Độ được Trung

Quốc tiếp biến cũng không nằm ngoài quy luật đó. Kinh Phật vào Trung Quốc từ trước thời Đường mấy thế kỷ nhưng chỉ đến thời Đường thì nó mới thực sự cắm rễ sâu chắc và nở hoa kết trái rực rỡ ở Trung Quốc. Một mặt, kinh Phật đã được Trung Quốc hóa bằng Biến văn – sản phẩm văn học, văn hóa độc đáo thể hiện một sự phối kết hài hòa, nhuần nhị và đầy nghệ thuật giữa giáo lí nhà Phật với văn hóa, đặc biệt là văn hóa dân gian Trung Quốc. Mặt khác, chính nhờ Biến văn và qua Biến văn, kinh Phật mới đến được với đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc. Nó không những không làm mất bản sắc văn hóa Trung Quốc mà còn làm đẹp thêm, nhân văn thêm cho con người và văn hóa Trung Quốc. Bài học về tiếp biến Phật giáo của người Trung Quốc qua Biến văn mãi mãi còn có giá trị không chỉ đối với văn hóa Trung Quốc mà còn cho cả sự phát triển văn hóa của nhân loại.

### 2.2 *Giá trị về phương pháp dạy học*

Tục giảng biến văn thời Đường Ngũ đại có thể coi là một kiểu dạy học có tính khoa học và nghệ thuật cao mà các nhà sư phạm đời sau có thể rút ra được nhiều bài học bổ ích cho mình trong việc nghiên cứu và ứng dụng phương pháp dạy học. Các giảng sư Biến văn trong quá trình giảng giải, thuyết huấn của mình đã sử dụng xen kẽ thuyết bạch (lời nói) và ngâm xướng (lời hát). Điều đó mang lại hiệu quả rất cao bởi vì thuyết bạch tiện cho việc hiểu biết nhờ lý giải mang tính khoa học lôgic (tri giải) còn ngâm xướng thì tác động vào tình cảm để việc tiếp thụ sâu sắc hơn, tự nguyện hơn, hấp dẫn hơn (khích động tình cảm). Tục giảng còn được hỗ trợ thêm bằng vẽ tranh và thấp hương. Trong mùi hương thơm, tranh ảnh như sinh động hơn, người tiếp thụ được đặt vào một không khí huyền ảo hơn, tâm linh hơn và nhờ đó mà hiệu quả tiếp nhận cao hơn.

### 2.3 *Giá trị về lịch sử ngôn ngữ*

Ở cái nhìn đồng đại, nhờ có Biến văn, chúng ta có thể hiểu biết đầy đủ hơn về đặc điểm ngôn ngữ văn học thời Đường. Cho dù ngôn ngữ văn chương bác học thời Đường đã có ngôn ngữ thơ Đường là đại diện tiêu biểu, nhưng nếu thiếu ngôn ngữ Biến văn thì sẽ thiếu hẳn một mảng quan trọng trong việc cho ta một cái nhìn hoàn chỉnh về ngôn ngữ văn chương thời Đường.

Ở cái nhìn lịch đại, ngôn ngữ Biến văn thời Đường là một yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần tạo nên ngôn ngữ văn học bạch thoại, đặc biệt đối với thể loại quan trọng trong văn học Trung Quốc như

tiểu thuyết chương hồi. Trước khi phát hiện ra Biến văn, việc nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ văn học Trung Quốc gặp không ít khó khăn và có thể khẳng định rằng nếu Biến văn vẫn chưa được khai mở từ động đá Đôn Hoàng thì một số lĩnh vực trong nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ văn học Trung Quốc vẫn còn bị xếp xó (vì như thế, cái mắt xích Biến văn vô cùng quan trọng vẫn bị đứt rời nên hệ thống bị phá vỡ).

#### 2.4. Giá trị về «Tục văn tự học»

«Tục văn tự học» là ngành khoa học nghiên cứu các chữ viết theo lối dân dã, không đúng quy chuẩn như «Thủ đầu tự» (chữ quen tay), «Giản bút tự» (chữ bớt nét) v.v..

Các quyển Biến văn viết tay do những tục giảng tăng hoặc tả kinh sinh (người chuyên sao chép kinh) viết ra. Họ thường viết ra một số chữ quen tay (thủ đầu tự), chữ bớt nét (giản bút tự), chữ tục thể. Đây là những tư liệu bổ sung quý giá đối với việc nghiên cứu văn tự thông tục.

Chúng ta biết rằng văn tự Trung Quốc phát triển từ chữ «giáp cốt»(chữ khắc trên mai rùa, xương thú), chữ «chung đỉnh» (chữ khắc trên chuông vạc), chữ «triện» (triện thư), chữ «lệ» (lệ thư) rồi đến chữ «khải» được thông hành. Chữ khải bắt đầu được lưu hành từ thời Chung Do, tới đời Đường thì sinh ra «Tự dạng thư»(thống nhất hình thể chữ khải). Tới đời Đường Huyền Tông, triều đình còn ban định chính sách «khai nguyên văn tự âm nghĩa» xác định các chữ viết đúng chính tả (chính thể tự) theo lối chữ «khải». Thế nhưng trên thực tế, việc biến đổi nhỏ về tự hình (hình thể văn tự) vẫn không ngừng diễn ra đối với mỗi một cá nhân khi viết. Đây là một vấn đề đang được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm và các bản Biến văn chép tay đã cung cấp nhiều tài liệu quý cho việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực này.

#### 2.5 Giá trị về khảo sát phong tục

Biến văn là văn học thông tục, do đó nó chứa đựng nhiều hình thức văn hóa thông tục bấy giờ mà chúng ta không thể tìm thấy trong chính sử. Loại hình nghệ thuật mang tính chất tổng hợp in đậm dấu ấn dân gian này cho chúng ta hiểu thêm về phong tục sinh hoạt văn hóa của quảng đại quần chúng, qua đó biểu đạt đời sống tinh thần tâm linh của họ.

Tóm lại, khởi thủy là từ kinh Phật của Ấn Độ, đi vào Trung Quốc, Phật giáo đã được Trung Quốc hóa trong Biến văn thời Đường. Tính chất

tôn giáo dần dần được đan xen, bổ sung bằng lịch sử và sinh hoạt thông tục bản địa trong một sự kết hợp hài hoà mà kết quả là vừa không đánh mất tư tưởng Phật giáo cội nguồn vừa được bổ sung bằng tâm hồn và tư tưởng của người Trung Hoa trong một hình thức nghệ thuật vừa mang tính bác học vừa mang tính dân gian hết sức độc đáo. Biến văn ra đời không chỉ làm giàu cho kho tàng văn học, văn hóa Trung Quốc mà còn bằng cách này hay cách khác, góp phần làm sản sinh nhiều thể loại văn học thực sự có giá trị. Và không chỉ đối với văn học, trong nền văn hóa Trung Quốc, Biến văn tồn tại như một loại hình độc đáo vừa hàm chứa nhiều giá trị có ý nghĩa to lớn và sâu sắc trong sự phát triển văn hóa Trung Quốc trong hiện tại, quá khứ và cả tương lai. Nhìn ở bất cứ lĩnh vực nào, góc độ nào thì Biến văn thời Đường vẫn còn tiềm ẩn, hàm chứa nhiều giá trị, ý nghĩa và vẫn luôn là mảnh đất thách thức, mời gọi các nhà nghiên cứu quan tâm tới văn học, văn hóa của Trung Quốc nói riêng và của cả nhân loại tiến bộ nói chung.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tịch Bảo Côn chủ biên, (1990), *Trung Quốc Thuyết Xương Nghệ Thuật Sử Luận*, Hoa Sơn văn nghệ xuất bản xã xuất bản, Hà Bắc Trung Quốc.
2. Tôn Khải Đệ, (1955), *Tục Giảng, Thuyết Thoại Dữ Bạch Thoại Tiểu Thuyết*, Tác gia xuất bản xã. Trung Quốc.
3. Chu Thiệu Lương – Bạch Hoa Văn biên, (1982), *Đôn Hoàng Biến Văn Luận Văn Lục*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã xuất bản, Thượng Hải Trung Quốc.
4. Vương Trọng Dân chủ biên, (1957), *Đôn Hoàng Biến Văn Tập*, nhân Dân văn học xuất bản xã, Trung Quốc.
5. Trịnh Chấn Đạc, (1938), *Trung Quốc Tục Văn Học Sử*, Thương vụ ấn thư quán xuất bản, Trung Quốc.
6. Xa Tích Luân trước, (1997) *Trung Quốc Bảo Quyển Nghiên Cứu*, Đài Loan học hải xuất bản xã xuất bản, Đài Loan.

### Tóm tắt

*Việc phát hiện ra Biến Văn ở Thạch Động Đôn Hoàng 1907 không những làm giàu thêm cho kho tàng văn học, văn hóa Trung Quốc mà còn đem đến cho thế giới một loại hình văn học nghệ thuật độc đáo có giá trị tư tưởng cao. Sự xuất hiện của Biến Văn thời Đường ( TK VII - X ) đã cung cấp các dữ kiện cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu lai lịch, nguồn cội của văn học Bạch Thoại Trung Quốc cùng hệ thống đầy đủ về lịch sử văn học Trung Quốc. Biến văn không chỉ là một mắt xích quan trọng liên kết văn học cổ đại và cận đại mà còn có ảnh hưởng rất to lớn trong quá trình hình thành nên một nền văn học, văn hóa vĩ đại của Trung hoa và Nhân loại.*

### Abstract

#### **The modified style under the Duong dynasty in the Chinese literature and civilization**

Not only did the discovery of the Modified style in the Don Hoang cave in 1907 enrich the treasure of Chinese literature and culture but also brought a kind of original literature and art with a high ideologocial value to the world. The appearance of the Modified style in the Duong Dynasty (From 7 to 10 centuries) provided scientific foundation for the research of the origin of the Bach Thoai Chinese culture and systematized adequately the history of Chinese literature. The Modified style is not only an important link which connects the old and new literature but contributesto the process of the formation of the new literature, culture of China and of the world.